

AI và "thực chứng", "tu ảo" và "tu thật"

ISSN: 2734-9195 12:33 19/10/2026

Công nghệ có thể mở rộng cánh cửa tiếp cận giáo pháp; sự tu tập và tu chứng vẫn đòi hỏi mỗi người tự mình thực hành, quán chiếu và chuyển hóa.

Trong kỷ nguyên số, kinh điển có thể tiếp cận chỉ bằng một cú chạm, pháp thoại có thể đến với hàng triệu người qua màn hình và trí tuệ nhân tạo (AI) bắt đầu tham gia diễn giải giáo lý.

Công nghệ mở ra những cơ hội mới cho hoạt động hoằng pháp, nhưng cũng đặt ra nguy cơ nhầm lẫn giữa tiếp nhận tri thức với thực hành, giữa sự hiện diện trên không gian mạng với thành tựu tu hành.

Chuyển đổi số Phật giáo và giới hạn của công nghệ

Hội thảo khoa học quốc gia “Văn hóa Phật giáo Việt Nam trong kỷ nguyên số: Thực tiễn và định hướng phát triển”, tổ chức ngày 17/10 tại chùa Tam Chúc (Ninh Bình), đặt ra vấn đề có ý nghĩa căn bản: Phật giáo cần thích ứng như thế nào với công nghệ mà vẫn giữ vững những giá trị cốt lõi của giáo lý và đời sống tu hành?



Ảnh: Internet

Trong lịch sử, Phật giáo luôn thích ứng với những phương thức truyền bá giáo lý khác nhau. Từ truyền khẩu, kinh sách, mộc bản đến các nền tảng số, phương tiện không ngừng thay đổi, nhưng mục đích hướng con người đến giác ngộ, giải thoát vẫn nhất quán.

Ngày nay, công nghệ tạo điều kiện bảo tồn kinh điển, tư liệu, di sản văn hóa và mở rộng khả năng tiếp cận giáo pháp, đặc biệt đối với thế hệ trẻ và những người không có điều kiện trực tiếp đến tự viện.

Tuy nhiên, số hóa mới bảo tồn và mở rộng khả năng tiếp cận những biểu hiện có thể ghi nhận của di sản; nó không tự tái tạo đầy đủ môi trường sinh hoạt, quan hệ cộng đồng và kinh nghiệm tâm linh.

Một ngôi chùa được dựng lại bằng mô hình ba chiều vẫn khác với không gian thực hành giới luật, nghi lễ và đời sống tu học của tăng ni, Phật tử.

Trong hoằng pháp, cần phân biệt ba cấp độ hiệu quả: truyền thông thể hiện ở khả năng đưa giáo lý đến công chúng; giáo dục Phật học thể hiện ở mức độ hiểu đúng, biết suy xét và vận dụng giáo pháp; còn tu tập được nhận diện qua sự thực hành bền bỉ và chuyển biến thân tâm.

Ba cấp độ liên hệ với nhau nhưng không thể lấy lượt tiếp cận hay lượng dữ liệu số hóa làm bằng chứng thay cho kết quả giáo dục và tu dưỡng.

“Tu tập ảo”: Khi tiếp nhận giáo lý bị nhầm tưởng là thành tựu tu hành

Vấn đề không nằm ở việc người học sử dụng màn hình, mà ở chỗ họ có nhầm sự tiếp xúc với nội dung Phật giáo thành kết quả tu hành hay không.

Ở đây, “tu tập ảo” được hiểu là hiện tượng lấy sự tiếp nhận, trình diễn hoặc tương tác với nội dung Phật giáo làm biểu hiện của thành tựu tu hành, trong khi thiếu sự quán chiếu, thực hành và chuyển hóa tương ứng trong đời sống.

Đây là cách hiểu nhầm nhận diện biểu hiện lệch lạc, không phải thuật ngữ kinh điển của Phật giáo.

Cần phân biệt: Tu học là quá trình học hỏi giáo lý và rèn luyện theo giáo pháp; tu tập nhấn mạnh thực hành, huân tập và chuyển hóa thân tâm; còn tu chứng gắn với sự thể nghiệm, chứng đạt tương ứng trên con đường tu hành.



Hình minh họa. Nguồn: Internet

Do đó, không thể đánh đồng tu học trực tuyến với “tu tập ảo”, người nghe pháp qua mạng vẫn có thể thực hành nghiêm túc; ngược lại, việc thường xuyên đến tự viện cũng không phải là chứng chỉ bảo đảm sự tiến bộ nếu thiếu tự quán chiếu và điều chỉnh hành vi.

Theo tiến trình Văn - Tư - Tu, Văn là tiếp nhận, học hỏi giáo pháp; Tư là suy xét, đối chiếu với kinh nghiệm và nhận diện đúng sai; Tu là đem điều đã hiểu vào thực hành để chuyển hóa tập khí và hành vi.

Nếu dùng ở Văn, tri thức có thể chỉ là ghi nhớ; nếu thiếu Tư, người học dễ tiếp nhận thụ động; nếu thiếu Tu, điều được hiểu chưa trở thành năng lực sống.

Công nghệ có thể hỗ trợ việc nghe học, đối thoại và hướng dẫn phương pháp, nhưng không thể thay hành giả thực hiện từng bước chuyển hóa ấy.

Giới - Định - Tuệ bổ sung chuẩn mực thực hành cho tiến trình đó: Giới giúp điều chỉnh thân, khẩu, ý và thiết lập nền tảng đạo đức; Định nuôi dưỡng khả năng an trú, quan sát tâm; Tuệ là sự thấy biết đúng đắn được phát triển trên nền tảng tu học.

Vì vậy, một người có thể thuộc nhiều lời dạy về từ bi mà vẫn dễ nổi sân, hoặc chia sẻ giáo lý vô ngã nhưng vẫn chấp chước về danh tiếng.

Điều cần xem xét không phải họ học qua mạng hay trực tiếp, mà là giáo pháp có được thể hiện trong cách sống hay chưa.

Với AI, trọng tâm là thẩm quyền diễn giải giáo lý. Hệ thống có thể tìm kiếm, tổng hợp, giải thích thuật ngữ, song lời đáp trôi chảy không tự bảo đảm tính xác thực của trích dẫn, sự phù hợp với truyền thống kinh điển hay năng lực hướng dẫn tâm linh.

AI không có tư cách của một vị thầy dựa trên giới hạnh, kinh nghiệm tu chứng và trách nhiệm giáo hóa.

Nội dung do AI hỗ trợ cần được đối chiếu nguồn kinh, ngữ cảnh và thẩm định bởi người có chuyên môn trước khi dùng để hướng dẫn tu học.

Với nền tảng số, rủi ro xuất phát từ cơ chế ưu tiên nội dung dễ thu hút chú ý. Khi thuật toán khuếch đại phát ngôn gây tranh luận, câu chuyện giật gân hoặc hình thức trình diễn, người làm hoàng pháp có thể bị cuốn vào cuộc đua lượt xem, lượt chia sẻ và người theo dõi.

Chỉ số tương tác phản ánh mức độ lan truyền, không phải chiều sâu giáo lý hay phẩm chất tu hành; lấy chúng làm chuẩn mực duy nhất sẽ làm lệch mục tiêu giáo hóa.

Giữ chính pháp trong kỷ nguyên số

Để chuyển đổi số phục vụ chính pháp, Giáo hội Phật giáo Việt Nam cần xác lập nguyên tắc: Chính tín định hướng nội dung, giới hạnh định hướng hành xử, tri thức Phật học bảo đảm chất lượng, còn công nghệ giữ vai trò phương tiện.

Nguyên tắc ấy cần được cụ thể hóa thành quy trình, đầu mối chịu trách nhiệm và tiêu chí kiểm tra.

Trước hết, Giáo hội cần xây dựng bộ nguyên tắc sử dụng AI trong hoằng pháp, quy định rõ phạm vi hỗ trợ tra cứu và biên soạn, những nội dung phải có người thẩm định, cách ghi nhận việc sử dụng AI và trách nhiệm khi phổ biến thông tin sai lệch.

Các kênh chính thức cần có quy trình tiếp nhận, đối chiếu nguồn, duyệt nội dung và sửa đính chính công khai khi phát hiện sai sót.

Song song với đó, các đơn vị phụ trách kinh điển và giáo dục Phật học cần xây dựng kho dữ liệu chuẩn hóa, ghi rõ xuất xứ, bản dịch, người dịch, ấn bản và phạm vi sử dụng.

Nội dung do AI tạo lập phải được đối chiếu với văn bản nguồn; những vấn đề liên quan đến giới luật, phương pháp thực hành hoặc giải thích giáo lý chuyên sâu cần được chuyển đến tăng ni, giảng sư có đủ chuyên môn và trách nhiệm hướng dẫn.

Các học viện, trường Phật học và cơ sở đào tạo cần đưa kỹ năng kiểm chứng nguồn, đạo đức truyền thông, nhận diện nội dung giả mạo và giới hạn của AI vào chương trình bồi dưỡng tăng, ni.

Đối với người trực tiếp hoằng pháp, việc sử dụng nền tảng số cần đi cùng trách nhiệm nêu nguồn, giải thích đúng ngữ cảnh và không chạy theo nội dung câu tương tác bằng mọi giá.

Việc đánh giá hiệu quả hoằng pháp cũng cần có hai nhóm tiêu chí riêng, như chỉ số tiếp cận như số người xem, thời lượng học, mức độ tham gia; và chỉ số chất lượng như khả năng hiểu đúng giáo lý, duy trì thực hành, phản hồi của người học, chuyển biến ứng xử và đóng góp cho cộng đồng.

Nhóm thứ hai cần được xem xét thận trọng qua khảo sát, theo dõi tự nguyện và phản hồi thực tế, không suy diễn thành thước đo trực tiếp của sự tu chứng.

Đối với Phật tử, mỗi hoạt động học pháp trực tuyến cần được nối tiếp bằng việc thực hành cụ thể: giữ giới, nuôi dưỡng chính niệm, quán sát thân hận, thực hành từ bi và tự kiểm điểm hành vi trong đời sống.

Tăng ni hướng dẫn có trách nhiệm khuyến khích người học đối chiếu điều đã nghe với kinh điển và kinh nghiệm thực hành, thay vì lấy tần suất tương tác làm dấu hiệu tiến bộ.

Ranh giới cần giữ không phải giữa trực tuyến và trực tiếp, mà giữa phương tiện truyền đạt với công phu tự thân. Công nghệ có thể mở rộng cánh cửa tiếp cận giáo pháp; sự tu tập đòi hỏi mỗi người tự mình thực hành, quán chiếu và chuyển hóa.

Tác giả: **Vững Nguyễn**